

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/DS-ST

Ngày: 18/6/2024

“V/v Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiệt

Bà Trần Thị Tuyết Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm – Thư ký TAND huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Bà Lê Thị Xuân Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2023/TLST-DS, ngày 10 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 121/2024/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn:

+ Anh **Nguyễn Hữu D**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

+ Chị **Võ Thị Thanh T1**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng N – Phòng giao dịch xã H.**

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Anh Cao Ngọc Á – Phó Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện L (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm E, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2023, Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 13/12/2023; bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Vào ngày 14/4/2022 anh T cùng vợ chồng anh D và chị T1 có thỏa thuận chuyển nhượng một phần đất có diện tích là 1.550m² thuộc thửa đất số 411, tờ bản đồ số 16, diện tích 4.415,1m² (trong đó có 300m² là đất ở, 4115,1m² là đất trồng cây lâu năm) theo giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 446930, sổ vào sổ CS 04764 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/4/2017 cho anh D đứng tên trong giấy Chứng nhận. Giá thỏa thuận chuyển nhượng là 390.000 đồng/m², tổng giá trị chuyển nhượng là 604.500.000 đồng.

Anh T2 và anh D, chị T1 có lập Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/4/2022, anh D và chị T1 có ký tên và điểm chỉ vào Hợp đồng đặt cọc này. Hợp đồng đặt cọc không có công chứng, chứng thực theo quy định vì giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất anh D hiện đã thế chấp cho Ngân hàng N – Phòng giao dịch xã H nên không thể công chứng được. Anh T2 đã đưa cho anh D và chị T1 số tiền đặt cọc là 400.000.000 đồng, số tiền còn lại các bên thỏa thuận trong vòng 06 tháng kể từ ngày 14/4/2022 đến ngày 14/10/2022 anh D và chị T1 phải làm Hợp đồng chuyển nhượng phần đất này cho anh T2 thì anh T2 sẽ giao tiền. Anh D1 và chị T1 có nói là giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 411 hiện anh chị đang thế chấp tại Ngân hàng N – Phòng giao dịch xã H để vay tiền nên anh chị chuyển nhượng thửa đất này để chuộc lại giấy, sau đó sẽ làm thủ tục chuyển nhượng đất cho anh, anh T2 cũng đồng ý nên mới chuyển nhượng đất của anh D1 với chị T1. Tại Hợp đồng đặt cọc có thỏa thuận nếu đến ngày ký kết hợp đồng mà bên anh D1 và chị T1 không làm thủ tục, không chuyển nhượng hoặc không giao phần đất chuyển nhượng thì phải trả lại tiền cọc và chịu phạt cọc với số tiền bằng số tiền cọc đã nhận và mọi thiệt hại.

Đến nay đã quá thời hạn thỏa thuận chuyển nhượng đất nhưng anh D1 và chị T1 vẫn không làm thủ tục chuyển nhượng đất cho anh T2 như đã thỏa thuận. Riêng đối với phần đất chuyển nhượng anh T2 đã nhận và sử dụng từ năm 2022 đến nay, trên đất anh T2 đã trồng một số loại cây trồng như chôm chôm, nhãn, chuối,... hệ thống tưới tiêu và hàng rào lưới B40 trên phần đất chuyển nhượng này.

Tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2023 anh T2 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Hữu D và chị Võ Thị Thanh T1 tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 411, tờ bản đồ số 16, diện tích 1550m² (ngang 20,8m; dài 68,72m), đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cho anh T2 đứng tên giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, anh đồng ý trả số tiền còn lại là 204.500.000 đồng cho anh D và chị T1 sau khi chuyển nhượng xong.

Ngày 13/12/2023 anh T2 có nộp đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Cụ thể anh T2 yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Yêu cầu vô hiệu Hợp đồng đặt cọc

quyền sử dụng đất ngày 14/4/2022 giữa anh T2 với anh Nguyễn Hữu D và chị Võ Thị Thanh T1; Yêu cầu anh D và chị T1 phải trả cho anh T2 số tiền đặt cọc là 400.000.000 đồng theo Hợp đồng đặt cọc ngày 14/4/2022 giữa anh T2 với anh Nguyễn Hữu D và chị Võ Thị Thanh T1; Yêu cầu anh D và chị T1 phải bồi thường cho anh T2 số tiền phạt cọc là 400.000.000 đồng do anh D và chị T1 có lỗi khi không thực hiện đúng theo thỏa thuận ký ngày 14/4/2022; Yêu cầu anh D và chị T1 phải bồi thường thiệt hại số tiền anh T2 đã đầu tư hệ thống tưới tiêu, điện nước, cây trồng, công chăm sóc cải tạo và hàng rào lưới B40 với số tiền là 150.000.000 đồng. Tổng số tiền anh T2 yêu cầu anh D và chị T1 phải trả là 950.000.000 đồng.

- Bị đơn anh Nguyễn Hữu D và chị Võ Thị Thanh T1 đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N có văn bản trình bày ý kiến như sau: Anh Nguyễn Hữu D có vay vốn tại Ngân hàng N – chi nhánh huyện L số tiền 750.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 7304-LAV-202202598 ngày 30/8/2022. Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng anh D có thể chấp tài sản là thửa đất số 575 (thửa cũ là 411), tờ bản đồ số 16, diện tích 4.172,8m² (diện tích cũ là 4.415,1m²), loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long do anh D đứng tên giấy Chứng nhận cho Ngân hàng. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 7304-LAV-202202598 ngày 30/8/2022 đã ký kết thì trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực thì Ngân hàng là người ưu tiên và quyết định tài sản đảm bảo, nếu trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực mà xảy ra tranh chấp với bên thứ ba thì khách hàng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng trước khi thực hiện nghĩa vụ khác. Hiện tại Ngân hàng không có đơn yêu cầu độc lập. Tuy nhiên trong quá trình tố tụng, xử lý vụ án có ảnh hưởng đến tài sản thế chấp hoặc quyền lợi của Ngân hàng, phải ưu tiên thu nợ trước khi giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Hữu D trình bày: Anh Dũng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có ý kiến hay yêu cầu bổ sung.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu D và chị Võ Thị Thanh T1 vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:

Áp dụng Điều 147, 157, 165, 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 328 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 4 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu T.

Hủy Hợp đồng đặt cọc đất đã ký ngày 14/4/2022 giữa anh T với anh Nguyễn Hữu D và chị Võ Thị Thanh T1.

Buộc anh Nguyễn Hữu D và chị Võ Thị Thanh T1 phải trả số tiền cọc 400.000.000 đồng theo Hợp đồng đặt cọc ngày 14/4/2022 giữa anh T với anh anh Nguyễn Hữu D và chị Võ Thị Thanh T1.

Buộc anh Nguyễn Hữu D và chị Võ Thị Thanh T1 phải bồi thường thiệt hại cho hệ thống tưới tiêu, điện nước, cây trồng, công chăm sóc cải tạo và hàng rào lưới B40 với số tiền 150.000.000 đồng.

Tổng số tiền anh Nguyễn Hữu D và chị Võ Thị Thanh T1 phải trả cho anh Nguyễn Hữu T là 550.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu anh Nguyễn Hữu D và chị Võ Thị Thanh T1 phải bồi thường thiệt hại tiền đặt cọc với số tiền 400.000.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Hữu T phải chịu số tiền 1.300.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu T phải nộp số tiền 20.000.000 đồng.

Anh Nguyễn Hữu D và chị Võ Thị Thanh T1 phải nộp số tiền 26.300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

- Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về tranh chấp hợp đồng đặt cọc theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do anh D và chị T1 cư trú tại xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về hình thức và nội dung của Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/4/2022 và số tiền đặt cọc:

Anh Nguyễn Hữu T có cung cấp cho Tòa án Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/4/2022 có nội dung giữa anh T với anh D và chị T1 có thỏa thuận chuyển nhượng một phần đất có diện tích là 1.550m² thuộc thửa đất số 411, tờ bản đồ số 16, diện tích 4.415,1m² do anh D đứng tên trong giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá thỏa thuận chuyển nhượng là 390.000 đồng/m², tổng giá trị chuyển nhượng là 604.500.000 đồng. Từ đó có thể xác định giữa anh T với anh D và chị T1 có ký kết hợp đồng đặt cọc nhằm mục đích chuyển nhượng đất theo quy định tại các Điều 117, 119, khoản 1 Điều 328 Bộ luật Dân sự, giao dịch đã có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Anh T2 trình bày anh đã giao cho chị T1 và anh D số tiền 400.000.000 đồng, hiện còn số tiền 204.500.000 đồng chưa giao cho vợ chồng anh D và chị T1.

[2.2] Xét yêu cầu của anh T2 yêu cầu hủy Hợp đồng đặt cọc quyền sử dụng đất ngày 14/4/2022 giữa anh T2 với anh Nguyễn Hữu D và chị Võ Thị Thanh T1:

Anh Tuấn thừa nhận trong quá trình chuyển nhượng thửa đất số 411 (thửa mới là thửa đất số 574) anh có biết việc anh D và chị T1 đã thế chấp thửa đất này để vay tiền tại Ngân hàng N – Phòng giao dịch xã H nhưng anh T2 vẫn đồng ý chuyển nhượng thửa đất này, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự. Hiện nay thửa đất số 411 (thửa mới là 574) vẫn đang thế chấp tại Ngân hàng. Căn cứ theo quy định tại khoản 8 Điều 320 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì anh D và chị T1 không được bán, thay thế, trao đổi, tặng cho tài sản thế chấp. Căn cứ theo quy định tại Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 thì tài sản đang tranh chấp cũng không được quyền chuyển nhượng. Tuy nhiên giữa anh T2 và anh D, chị T1 lại thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất đang được thế chấp là vi phạm điều cấm của pháp luật. Hiện nay anh T2 cũng đồng ý hủy Hợp đồng đặt cọc quyền sử dụng đất ngày 14/4/2022 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh T2, tuyên bố hủy bỏ hợp đồng đặt cọc theo quy định tại Điều 423 Bộ luật Dân sự.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại số tiền đặt cọc là 400.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền phạt cọc là 400.000.000 đồng do anh D và chị T1 có lỗi khi không thực hiện đúng theo thỏa thuận ký ngày 14/4/2022:

Xét thấy, hợp đồng đặt cọc của các bên được xác lập là dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Anh T2 trình bày đã đưa đủ số tiền đặt cọc chuyển nhượng đất cho phía bị đơn là 400.000.000 đồng, đối với số tiền còn lại 204.500.000 đồng các bên thỏa thuận trong vòng 06 tháng kể từ ngày 14/4/2022 đến ngày 14/10/2022 anh D và chị T1 phải làm Hợp đồng chuyển nhượng phần đất này cho anh T2 thì anh T2 mới giao đủ số tiền còn lại. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu do cả bị đơn và nguyên đơn đều có lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu. Lý do thửa đất số 411 (thửa mới là 574) vẫn đang thế chấp tại Ngân hàng nên không thể chuyển nhượng nhưng các bên vẫn xác lập giao dịch đối với thửa đất này. Căn cứ quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự: “*Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập... khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận..*”. Anh T2 đã biết được thửa đất số 411 (thửa mới là 574) đang thế chấp Ngân hàng nhưng anh vẫn đồng ý nhận chuyển nhượng nên anh phải chịu hậu quả pháp lý đối với việc hủy hợp đồng đặt cọc ngày 14/4/2022. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T2 về việc buộc anh D và chị T1 phải trả cho anh T2 số tiền đặt cọc chuyển nhượng đất là 400.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của anh T2 về việc buộc anh D và chị T1 phải bồi thường cho anh T2 số tiền phạt cọc là 400.000.000 đồng.

[2.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn anh D và chị T1 phải bồi thường thiệt hại số tiền anh T2 đã đầu tư hệ thống tưới tiêu, điện nước, cây trồng, công chăm sóc cải tạo và hàng rào lưới B40 với số tiền là 150.000.000 đồng:

Căn cứ Biên bản định giá tài sản và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/02/2024 thì trên thửa đất số 411 (thửa mới là 574) trên đất có một số cây trồng như nhãn, chôm chôm, dừa, tắc, cóc trên 3 năm tuổi, chuối trên 1 năm tuổi và dừa trên 10 năm tuổi. Ngoài ra còn có hàng rào trụ đá lưới B40 và hệ thống thoát nước, tưới vườn. Các tài sản này đều do phía anh T2 trồng và xây dựng, tổng giá trị tài sản là 159.046.173 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy anh T2 đã nhận đất và sử dụng từ lúc lập Hợp đồng đặt cọc ngày 14/4/2022 đến nay nên việc anh T2 yêu cầu anh D và chị T1 phải bồi thường thiệt hại đối với tài sản trên đất là có căn cứ chấp nhận. Anh T2 chỉ yêu cầu anh D và chị T1 phải bồi thường số tiền 150.000.000 đồng là có lợi cho phía bị đơn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T2, buộc anh D và chị T1 phải bồi thường cho anh T2 số tiền 150.000.000 đồng chi phí đầu tư hệ thống tưới tiêu, điện nước, cây trồng, công chăm sóc cải tạo và hàng rào lưới B40.

[3] Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là 1.300.000 đồng, anh T2 tự nguyện nộp chi phí này. Anh T2 đã nộp xong.

[3] Về án phí: Anh Tuấn phải chịu một phần án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của anh không được chấp nhận. Cụ thể anh T2 phải chịu 400.000.000 đồng x 5% = 20.000.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền (550.000.000 đồng – 400.000.000 đồng) x 4% + 20.000.000 đồng + 300.000 đồng = 26.300.000 đồng.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 227, 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, 119, 320, 328, Điều 423 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T.

1. Hủy Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/4/2022 giữa anh Nguyễn Hữu T và anh Nguyễn Hữu D, chị Võ Thị Thanh T1.

2. Buộc anh Nguyễn Hữu D và chị Võ Thị Thanh T1 phải trả cho anh Nguyễn Hữu T số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/4/2022 giữa anh T và anh D, chị T1.

3. Buộc anh Nguyễn Hữu D và chị Võ Thị Thanh T1 phải trả cho anh Nguyễn Hữu T số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) chi phí đầu tư hệ thống tưới tiêu, điện nước, cây trồng, công chăm sóc cải tạo và hàng rào lưới B40 trên đất.

Tổng số tiền anh D và chị T1 phải trả cho anh T là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc buộc anh Nguyễn Hữu D, chị Võ Thị Thanh T1 phải trả lại cho anh T số tiền phạt cọc chuyển nhượng đất là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

5. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ là 1.300.000 đồng (Một triệu, ba trăm nghìn đồng), anh T tự nguyện nộp chi phí này. Anh T2 đã nộp xong

6. Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Hữu T phải nộp 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000551 ngày 09/11/2023, Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000558 ngày 13/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, anh T còn phải nộp tiếp số tiền là 14.588.000 đồng (Mười bốn triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Hữu D, chị Võ Thị Thanh T1 phải nộp 26.300.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đường sự: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mai Ka